



## INSULCURE 11B PT B

<b>Câu phòng ngừa</b>	<p>P260 Không được hít hơi/bụi nước.</p> <p>P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.</p> <p>P271 Chỉ được sử dụng ngoài trời hoặc trong khu vực thông gió tốt.</p> <p>P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ.</p> <p>P304+P340 NẾU HÍT PHẢI: Đưa người ra chỗ thoáng khí và để thở.</p> <p>P312 Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/ bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.</p>
-----------------------	--

<b>Bao gồm</b>	2,2'-DIMETHYL-4,4'-METHYLENEBIS(CYCLOHEXYLAMINE), 2-ETHYL-4-METHYLIMIDAZOLE, 4-Methylimidazole
----------------	--

### PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần

#### Hỗn hợp

<b>2,2'-DIMETHYL-4,4'-METHYLENEBIS(CYCLOHEXYLAMINE)</b> Số CAS: 6864-37-5	<b>60-100%</b>
--	----------------

#### Phân loại

Độc tính cấp tính loại 4 - H302  
 Độc tính cấp tính loại 3 - H311  
 Độc tính cấp tính loại 3 - H331  
 Ăn mòn da loại 1A - H314  
 Tổn thương mắt loại 1 - H318  
 Mẫn tính thủy sinh loại 2 - H411

#### 2-ETHYL-4-METHYLIMIDAZOLE

**1-5%**

Số CAS: 931-36-2

#### Phân loại

Độc tính cấp tính loại 4 - H302  
 Kích ứng da loại 2 - H315  
 Tổn thương mắt loại 1 - H318  
 Mẫn cảm da loại 1B - H317

#### 4-Methylimidazole

**<1%**

Số CAS: 822-36-6

#### Phân loại

Độc tính cấp tính loại 4 - H302  
 Độc tính cấp tính loại 3 - H311  
 Ăn mòn da loại 1B - H314  
 Độc tố gây ung thư loại 2 - H351

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

### PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

#### Mô tả các biện pháp sơ cứu

<b>Thông tin chung</b>	Sơ cứu trực tiếp là cấp thiết. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm hóa chất. Nhân viên sơ cứu phải mặc đồ bảo hộ thích hợp trong quá trình cứu chữa.
<b>Sự hít phải</b>	Đưa người bị ảnh hưởng ra nơi thoáng khí, giữ ấm và nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái để hít thở. Khi khó thở, có thể cần đến oxy.

## INSULCURE 11B PT B

<b>Sự ăn phải</b>	Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức. Rửa sạch miệng với nước. Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Loại bỏ hóa chất dính trên da ngay lập tức là điều quan trọng. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm hóa chất và rửa sạch da với nước. Bông hóa chất phải được điều trị bởi bác sĩ. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt.
<b>Bảo hộ cho người sơ cứu</b>	Nhân viên sơ cứu phải mặc đồ bảo hộ thích hợp trong quá trình cứu chữa. Có thể gây nguy hiểm cho nhân viên sơ cứu khi thực hiện hồi sức qua đường miệng.

### Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

<b>Thông tin chung</b>	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
<b>Sự hít phải</b>	Độc hại khi hít phải.
<b>Sự ăn phải</b>	Sản phẩm này gây ăn mòn. Gây hại nếu nuốt phải. Có thể gây bỏng hóa chất trong miệng, thực quản và dạ dày. Có thể gây tổn thương nội tạng trầm trọng.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Độc hại khi tiếp xúc với da. Ăn mòn da và mắt. Gây bỏng. Dị ứng phát ban.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Sản phẩm này gây ăn mòn. Tiếp xúc với hóa chất đậm đặc có thể rất nhanh chóng gây hủy hoại mắt trầm trọng, có thể bị mù.

### **PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn**

#### Cách chữa cháy

<b>Cách chữa cháy phù hợp</b>	Sử dụng bột chống cồn, cát hoặc dolomit để dập lửa. Bụi nước, sương.
<b>Cách chữa cháy không phù hợp</b>	Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy.

#### Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

<b>Các sản phẩm cháy nguy hại</b>	Các sản phẩm của quá trình phân hủy nhiệt hoặc đốt có thể bao gồm các chất sau: Khí hoặc hơi có hại.
-----------------------------------	--

#### Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

<b>Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy</b>	Trong trường hợp hỏa hoạn: Các thùng chứa gần đám cháy nên được rời đi hoặc làm mát với nước. Sử dụng nước để làm mát các thùng chứa tiếp xúc với lửa và phân tán hơi.
<b>Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa</b>	Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

### **PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn**

#### Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

<b>Những cảnh báo cho cá nhân</b>	Đưa những người không cần thiết và không mặc đồ bảo hộ ra khỏi chỗ tràn đổ. Tránh hít phải hơi và tiếp xúc với da và mắt. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Đeo thiết bị bảo hộ phù hợp, bao gồm găng tay, kính/mặt nạ, mặt nạ phòng độc, boots, quần áo hoặc tạp dề, khi thích hợp. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.
-----------------------------------	--

#### Các cảnh báo về môi trường

<b>Những cảnh báo về môi trường</b>	Tránh thải ra môi trường. Để ngăn chặn phát thải, đặt mặt bị hư hại của thùng lên trên. Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tránh xả thải ra ống thoát nước hoặc kênh rạch hoặc mặt đất. Thông báo cho các cơ quan chức năng liên quan nếu xảy ra ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).
-------------------------------------	--

## INSULCURE 11B PT B

### Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

**Các phương pháp lau dọn** Ngừng chờ rò rỉ nếu có thể thực hiện một cách an toàn. Di rời các thùng chứa ra khỏi khu vực tràn đổ. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Sự cố tràn đổ nhỏ: Lau sạch bằng một miếng vải thấm và thải bỏ một cách an toàn. Sự cố tràn đổ rộng: Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Bao xung quanh khu vực tràn đổ bằng cát, đất hoặc các vật liệu không dễ cháy phù hợp khác để tránh việc chảy vào ống thoát nước. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Giội rửa khu vực bị ô nhiễm với nhiều nước.

### Tham khảo cho các phần khác

**Tham khảo cho các phần khác** Về bảo hộ cá nhân, xem Phần 8. Đối với xử lý chất thải, xem Phần 13.

### **PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ**

#### Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

**Những lưu ý khi sử dụng** Chỉ giới hạn cho người dùng có chuyên môn. Không sử dụng cho đến khi đọc và hiểu tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn. Đeo thiết bị bảo hộ phù hợp, bao gồm găng tay, kính/mặt nạ, mặt nạ phòng độc, boots, quần áo hoặc tạp dề, khi thích hợp. Không hít hơi/bụi nước. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu thông gió tốt. Rửa tay sạch sau khi sử dụng. Các phương tiện rửa mắt và phòng tắm khẩn cấp phải được sẵn sàng khi sử dụng sản phẩm này.

**Tư vấn thông tin chung về vệ sinh lao động** Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này. Rửa ngay lập tức nếu da vừa bị nhiễm hóa chất. Cởi ngay lập tức quần áo bị nhiễm hóa chất và giặt trước khi sử dụng. Rửa sau khi sử dụng và trước khi ăn, hút thuốc và sử dụng toilet.

#### Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

**Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất** Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Khóa lại khi lưu trữ. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

**Nhóm lưu trữ** Nhóm lưu trữ phù hợp với các sản phẩm độc hại. Nhóm lưu trữ phù hợp với các sản phẩm gây ăn mòn.

#### Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

**(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng** Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

**Mô tả việc sử dụng** Cung cấp hệ thống thông gió tốt.

### **PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân**

#### Quản lý phơi nhiễm

**Kiểm soát kỹ thuật phù hợp** Sản phẩm này không nên được sử dụng trong điều kiện thông gió kém trừ khi một mặt nạ bảo hộ với bộ lọc khí phù hợp được sử dụng. Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Có thể cần đến máy thông gió cơ khí hoặc quạt hút thông gió khu vực. Tránh hít phải hơi.

**Bảo hộ cá nhân** Không hít hơi/ bụi nước.

**Bảo hộ mắt/mặt** Phải đeo kính theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro chỉ ra việc tiếp xúc với mắt có thể xảy ra. Đeo kính bó sát, chống hóa chất bắn tóe hoặc khiên che mặt. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

## INSULCURE 11B PT B

<b>Bảo hộ tay</b>	Loại găng tay thích hợp nhất nên được lựa chọn sau khi tham vấn với nhà cung cấp/nhà sản xuất găng tay, những người có thể cung cấp thông tin về thời gian thẩm thấu của chất liệu làm găng. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ. Xem xét các dữ liệu được ghi bởi nhà sản xuất, kiểm tra các đặc tính bảo vệ của găng trong quá trình sử dụng và thay găng ngay khi các đặc tính suy giảm.
<b>Bảo hộ khác cho da và cơ thể</b>	Mặc quần áo thích hợp để ngăn chặn khả năng tiếp xúc của chất lỏng và tiếp xúc lặp lại hoặc kéo dài với hơi.
<b>Các biện pháp về vệ sinh</b>	Giặt rửa ngay lập tức quần áo và da bị nhiễm hóa chất với nhiều nước trước khi cởi bỏ quần áo. Cởi bỏ ngay lập tức quần áo vừa bị ướt hoặc nhiễm hóa chất.
<b>Bảo hộ cho hô hấp</b>	Đảm bảo rằng tất cả các thiết bị bảo hộ hô hấp phải phù hợp với mục đích sử dụng của nó. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp cả mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

### PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

#### Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài	Chất lỏng.
Màu sắc	Vàng hổ phách.
Mùi đặc trưng	Mùi amin.
Điểm chớp cháy	> 93.3°C
Tỷ trọng tương đối	0.95

### PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

<b>Khả năng hoạt động của chất</b>	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
<b>Mức độ ổn định của chất</b>	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
<b>Khả năng gây ra phản ứng nguy hại</b>	Không polyme hóa.
<b>Các tình trạng cần tránh</b>	Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Tránh tiếp xúc với các chất liệu sau: Chất oxy hóa mạnh.
<b>Các vật liệu cần tránh</b>	Chất oxy hóa mạnh.
<b>Các sản phẩm cháy nguy hại</b>	Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết.

### PHẦN 11: Thông tin về độc tính

#### Thông tin về tác động của độc tính

##### Độc tính cấp tính- qua đường miệng

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 5.618,0

##### Độc tính cấp tính- qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 34.924,0

##### Độc tính cấp tính- qua hô hấp

## INSULCURE 11B PT B

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (khí ppmV) 82.353,0

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (hơi mg/l) 353,0

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (bụi/sương mg/l) 59,0

**Sự hít phải** Độc hại nếu hít phải.

**Sự ăn phải** Gây hại nếu nuốt phải. Có thể gây bỏng hóa chất trong miệng, thực quản và dạ dày.

**Tiếp xúc với da** Độc hại khi tiếp xúc với da. Gây bỏng trầm trọng.

**Tiếp xúc với mắt** Gây hủy hoại mắt nghiêm trọng.

### PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

**Độc tính môi sinh** Độc hại đối với đời sống thủy sinh với tác động kéo dài.

**Độc tính** Độc hại cho sinh vật thủy sinh, có thể gây tác động lâu dài cho môi trường thủy sinh.

#### Độ bền vững và độ phân hủy

**Độ bền và độ phân hủy** Không có dữ liệu có sẵn.

#### Tiềm năng tích tụ sinh học

**Khả năng tích lũy sinh học** Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

#### Tính di động trong đất

**Tính di động** Không có dữ liệu.

#### Các tác động có hại khác

**Các tác động có hại khác** Chưa biết.

### PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

#### Các biện pháp xử lý chất thải

**Thông tin chung** Thải bỏ chất thải thông qua nhà thầu xử lý chất thải được cấp phép. Thải bỏ chế phẩm hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng theo các quy định địa phương. Chất liệu này và thùng chứa của nó phải được xử lý như chất thải nguy hại.

**Các phương pháp thải bỏ** Thải bỏ chất liệu này và thùng chứa của nó ở điểm thu gom chất thải nguy hại hoặc đặc biệt. Thải bỏ chất thải thông qua nhà thầu xử lý chất thải được cấp phép. Thải bỏ chế phẩm hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng theo các quy định địa phương.

**Nhóm chất thải** 08 04 99

### PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

#### Số UN

Số UN (Đường bộ/Đường sắt) 2922

Số UN (IMDG) 2922

Số UN (ICAO) 2922

#### Tên vận chuyển chuẩn UN

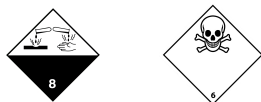
## INSULCURE 11B PT B

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt)	CORROSIVE LIQUID, TOXIC, N.O.S. (Cycloaliphatic amines)
Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG)	CORROSIVE LIQUID, TOXIC, N.O.S. (Cycloaliphatic amines)
Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO)	CORROSIVE LIQUID, TOXIC, N.O.S. (Cycloaliphatic amines)

### Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

Nhóm Đường bộ/Đường sắt	8
Rủi ro phụ Đường bộ/Đường sắt	6.1
Mã phân loại Đường bộ/Đường sắt	CT1
Nhãn Đường bộ/Đường sắt	8
Nhóm IMDG	8
Rủi ro phụ IMDG	6.1
Nhóm/ mục ICAO	8
Rủi ro phụ ICAO	6.1

### Nhãn vận chuyển



### Nhóm đóng gói

Nhóm đóng gói Đường bộ/Đường sắt	II
Nhóm đóng gói IMDG	II
Nhóm đóng gói ICAO	II

### Các nguy hại về môi trường

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh



### Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

EmS	F-A, S-B
Số xác định nguy hại (Đường bộ/Đường sắt)	86

PHẦN 15: Thông tin luật định

PHẦN 16: Thông tin khác

Ngày sửa đổi	04/04/2018
Sửa đổi	3

**INSULCURE 11B PT B**

**Ngày thay thế** 29/04/2016

**Số SDS** 20691

**Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ** H302 Gây hại nếu nuốt phải.  
H311 Độc hại nếu tiếp xúc với da.  
H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng.  
H315 Gây kích ứng da.  
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.  
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.  
H331 Độc hại nếu hít phải.  
H351 Nghi ngờ là tác nhân gây ung thư.  
H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.